

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2024

“V/v Xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Rù và ông Đinh Su Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2024 (Thụ lý số cũ 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2023) về việc “Xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh B, sinh năm 199x. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 199x. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh B trình bày:

Chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 20/9/2018. Trong những năm đầu kết hôn, chị B và anh C chung sống hạnh phúc. Từ năm 2022 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cả hai không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng, cuộc sống trong gia đình ngượng ngùng, hai bên không quan tâm nhau, không tâm sự, anh C có nhiều lời lẽ xúc phạm, đánh đập chị B. Do vậy, vào tháng 3 năm 2023, chị đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Kon Plông thụ lý giải quyết nhưng sau

đó chị đã rút đơn vì muốn cho anh C cơ hội sửa chữa lỗi lầm, vợ chồng vun vén làm ăn để con cái có đầy đủ cha mẹ nhưng anh C vẫn không thay đổi; hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải, nói chuyện và tìm hướng giải quyết nhưng không có kết quả. Chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do vậy, chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày .../.../201x và Nguyễn Thanh T, sinh ngày .../.../202x. Sau khi ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng tự lập được; đồng thời yêu cầu anh Nguyễn Đức C cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng/con (Tổng cộng 2.000.000 đồng/tháng/02 con) đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lập được.

Thời gian cấp dưỡng cho 02 con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con đều đủ 18 tuổi; Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức C vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Nguyễn Đức C theo quy định tại Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự; anh C biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Lê Thị Thanh B nhưng anh C không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa phát biểu về việc chấp hành pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kon Plông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về vấn đề thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, Điều 98, điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170, Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đức C đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Việc vắng mặt bị đơn tại phiên tòa hôm nay đã tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm, đường lối xử lý đối với vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn hai vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh B về việc xin ly hôn và nuôi con chung. Cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh B được ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày .../.../201x và Nguyễn Thanh T, sinh ngày .../.../202x cho chị Lê Thị Thanh B chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Đức C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/01 con/01 tháng) đến khi các con chung đều đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thanh B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Đức C phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, yêu cầu, ý kiến của các đương sự đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp:

Vụ án xin ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh B và bị đơn anh Nguyễn Đức C; cùng trú tại Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Kon Tum là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kon Plông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Đức C đều vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 mà anh C vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3]. Xét về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum theo Giấy đăng ký kết hôn số 22 ngày 20 tháng 9 năm 2018. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, giữa chị B và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh C không quan tâm, chăm sóc vợ con, không vun vén cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại khu dân cư, phải nhiều lần nhờ gia đình hai bên khuyên giải, can thiệp nhưng không có kết quả. Qua quá trình xác minh, anh C có hành vi bạo lực, vứt quần áo chị B ra ngoài đường và dùng những lời nói đe dọa chị B như đốt nhà làm cho mẹ con chị B sợ hãi phải đi trốn ngủ nhờ ở nơi khác. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không hợp tác, không tích cực tìm hướng thuyết phục chị B quay về chung sống, xây dựng gia đình. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do thể hiện anh không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh B là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh B.

- *Về con chung*: Chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C có 02 con chung tên là Nguyễn Trâm A, sinh ngày .../.../201x và Nguyễn Thanh T, sinh ngày .../.../202x. Nguyên vọng của chị B sau khi ly hôn được nhận nuôi 02 con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con.

Xét thấy, các con chung Nguyễn Trâm A và Nguyễn Thanh T còn nhỏ (mới hơn 36 tháng tuổi) cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, hơn nữa chị B có công việc làm ổn định tại xã N, huyện K, thu nhập ổn định khoảng 11.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo tốt hơn về mọi mặt cho các con; còn anh C làm việc lái xe trên địa bàn xã Đ, giao thông đi lại khó khăn, ít có điều kiện trực tiếp chăm sóc

các con. Mặt khác, trong thời gian anh C đi làm xa nhà, chị B vẫn một mình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đảm bảo và hiện nay các cháu đang học tập và sinh sống tại xã N cùng với chị B. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con, sau khi vợ chồng (chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C) ly hôn, cần giao cháu A và cháu T cho mẹ (chị Lê Thị Thanh B) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Vì vậy, yêu cầu của chị B về trực tiếp nuôi 02 con sau khi ly hôn được chấp nhận.

Trong thời gian chị B nuôi, chăm sóc, giáo dục 02 con, anh Nguyễn Đức C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Lê Thị Thanh B yêu cầu anh Nguyễn Đức C cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng/con (Tổng cộng 2.000.000 đồng/tháng/02 con) đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lập được; phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định pháp luật HNGĐ nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh C không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng chị B yêu cầu phù hợp với nhu cầu thiết yếu của các cháu, khả năng của anh C và quy định tại Điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận

- *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Lê Thị Thanh B và anh Nguyễn Đức C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Đức C phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 6; Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh B.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh B được ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Nguyễn Trâm A, sinh ngày .../.../201x và Nguyễn Thanh T, sinh ngày .../.../202x.

Anh Nguyễn Đức C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C. Quá trình nuôi dưỡng, nếu xét thấy cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Đức C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con Nguyễn Trâm A, sinh ngày .../.../201x và Nguyễn Thanh T, sinh ngày .../.../202x mỗi tháng là 2.000.000 đồng/02 con (1.000.000đồng/01con/01 tháng).

Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con Nguyễn Trâm A, sinh ngày//.../201x và Nguyễn Thanh T, sinh ngày .../.../202x đều đủ 18 tuổi.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001004, ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Chị B đã nộp đủ.

Buộc anh Nguyễn Đức C phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh B có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/4/2024). Riêng bị đơn anh Nguyễn Đức C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- UBND xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xong